

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: Học kỳ 1 (2024-2025) Lớp học phần: [23401303] - Cầu lông 2 (CCQ2311K)

STT	Thông tin sinh viên							TBTk	Được dự thi	Cuối kỳ	Vắng thi	Điểm tổng kết 1	Điểm tổng kết 2	Xếp loại	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học									
1	2123110380	Nguyễn Hoàng	Ân	08/01/2004	Nam	CCQ2311K		7,3	V	7,0		7,10		Khá	
2	2122110065	Trần Thanh	Bảo	16/02/2004	Nam	CCQ2211B		0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
3	2123110378	Đỗ Thanh	Bình	05/01/2005	Nam	CCQ2311K		9,5	V	10,0		9,80		Giỏi	
4	2122190047	Nguyễn Hoàng Khả	Châu	20/02/2004	Nữ	CCQ2219B		7,5	V	7,0		7,20		Khá	
5	2123110422	Nguyễn Văn	Chiến	13/01/2004	Nam	CCQ2311L		9,3	V	10,0		9,70		Giỏi	
6	2122030183	Nguyễn Công	Chương	05/12/2004	Nam	CCQ2203F		7,0	V	6,0		6,40		Trung bình	
7	2123110359	Nguyễn Ngọc	Cường	27/08/2005	Nam	CCQ2311J		8,0	V	6,0		6,80		Trung bình	
8	2123110421	Võ Tấn	Dân	04/11/2005	Nam	CCQ2311L		8,0	V	8,0		8,00		Khá	
9	2123110430	Nguyễn Hồng	Đăng	14/06/2005	Nữ	CCQ2311K		6,5	V	6,0		6,20		Trung bình	
10	2123110426	Phạm Trung	Đạt	11/09/2005	Nam	CCQ2311L		7,8	V	8,0		7,90		Khá	
11	2122190062	Ka	Dum	09/02/2004	Nữ	CCQ2219B		7,8	V	8,0		7,90		Khá	
12	2123110377	Vũ Quốc	Dương	24/07/2004	Nam	CCQ2311K		8,5	V	7,0		7,60		Khá	
13	2122270124	Đào Thị Hồng	Gám	13/03/2004	Nữ	CCQ2227D		0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
14	2123110436	Trần Thành	Hà	25/09/2004	Nam	CCQ2311L		8,8	V	8,0		8,30		Khá	
15	2122110480	Trần Thị Mỹ	Hà	06/05/2004	Nữ	CCQ2211L		6,5	V	8,0		7,40		Khá	
16	2123110408	Nguyễn Huỳnh Thu	Hiền	24/02/2005	Nữ	CCQ2311K		9,3	V	8,0		8,50		Giỏi	
17	2122210072	Trần Thị Thu	Hiền	02/02/2004	Nữ	CCQ2221B		7,5	V	7,0		7,20		Khá	
18	2123110415	Trần Thành	Hiền	01/06/2005	Nam	CCQ2311L		7,3	V	6,0		6,50		Trung bình	
19	2123110425	Phạm Huỳnh Minh	Hiếu	10/07/2005	Nam	CCQ2311L		6,8	V	9,0		8,10		Khá	
20	2123110444	Phạm Minh	Hiếu	10/03/2005	Nam	CCQ2311L		7,3	V	8,0		7,70		Khá	
21	2122120266	Trương Văn	Hiếu	27/03/2004	Nam	CCQ2212H		0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
22	2123110416	Nguyễn Đức	Hiếu	24/01/2005	Nam	CCQ2311L		7,8	V	6,0		6,70		Trung bình	
23	2123110457	Trương Thanh	Hóa	29/11/2004	Nam	CCQ2311L		6,5	V	8,0		7,40		Khá	
24	2123110351	Phan Văn	Hoàng	02/11/2004	Nam	CCQ2311J		8,8	V	8,0		8,30		Khá	
25	2123110406	Hoàng Đức	Hữu	23/04/2005	Nam	CCQ2311K		8,0	V	7,0		7,40		Khá	
26	2123110441	Lê Tuấn	Huy	09/12/2005	Nam	CCQ2311L		0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
27	2123110427	Trương Trọng	Hỷ	20/10/2005	Nam	CCQ2311L		8,0	V	7,0		7,40		Khá	
28	2123110431	Nguyễn Đình	Kiệt	12/09/2005	Nam	CCQ2311K		8,3	V	6,0		6,90		Trung bình	
29	2123110364	Trần Quốc	Kiệt	13/09/2005	Nam	CCQ2311J		9,0	V	10,0		9,60		Giỏi	
30	2123110532	Trương Quang Nhậ	Linh	14/10/2001	Nam	CCQ2311K		8,8	V	7,0		7,70		Khá	
31	2122180082	Văn Thành	Long	10/12/2004	Nam	CCQ2218C		7,8	V	7,0		7,30		Khá	
32	2123110414	Đạo Nữ Hoàng Ly	Ly	27/07/2005	Nữ	CCQ2311L		7,5	V	7,0		7,20		Khá	
33	2122210035	Trần Bảo	Ly	09/12/2004	Nữ	CCQ2221A		8,5	V	7,0		7,60		Khá	

34	2122120347	Phạm Thị	Mơ	03/10/2004	Nữ	CCQ2212K		7,5	V	7,0		7,20		Khá	
35	2122210034	Võ Nguyễn Thảo	My	22/02/2004	Nữ	CCQ2221A		7,8	V	7,0		7,30		Khá	
36	2123110388	Nguyễn Võ Duy	Nam	01/01/2005	Nam	CCQ2311K		7,3	V	8,0		7,70		Khá	
37	2122110063	Lê Trần Thái	Nguru	30/07/2004	Nam	CCQ2211B		8,3	V	7,0		7,50		Khá	
38	2123110404	Hồ Sĩ	Nguyên	25/03/2005	Nam	CCQ2311K		7,3	V	9,0		8,30		Khá	
39	2122210025	Lê Thị Trúc	Nhi	23/12/2004	Nữ	CCQ2221A		8,8	V	7,0		7,70		Khá	
40	2122190147	Trần Lê YẾN	Nhi	28/10/2004	Nữ	CCQ2219D		8,0	V	7,0		7,40		Khá	
41	2122190134	Lê Thị Thùy	Như	25/09/2004	Nữ	CCQ2219B		7,3	V	8,0		7,70		Khá	
42	2122100206	Trần Thị Huỳnh	Như	26/05/2004	Nữ	CCQ2210F		6,8	V	6,0		6,30		Trung bình	
43	2122120353	Đoàn Thị Hàn	Ni	19/01/2004	Nữ	CCQ2212K		8,5	V	8,0		8,20		Khá	
44	2122220006	Nguyễn Tấn	Phát	26/08/2003	Nam	CCQ2222A		0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
45	2123110424	Nguyễn Cửu Minh	Phú	25/10/2005	Nam	CCQ2311L		8,0	V	7,0		7,40		Khá	
46	2122120232	Hồ Thanh	Phúc	01/09/2003	Nam	CCQ2212G		8,3	V	6,0		6,90		Trung bình	
47	2123110417	Nguyễn Khắc	Phước	03/05/2005	Nam	CCQ2311L		7,8	V	7,0		7,30		Khá	
48	2123110483	Nguyễn Đắc	Quân	02/06/2005	Nam	CCQ2311L		8,0	V	8,0		8,00		Khá	
49	2123110369	Nguyễn Văn	Quốc	26/05/2005	Nam	CCQ2311K		9,0	V	7,0		7,80		Khá	
50	2122170562	Trần Minh	Quý	29/09/2004	Nam	CCQ2217N		8,5	V	9,0		8,80		Giỏi	
51	2122190136	Hồ Thị Như	Quỳnh	19/02/2004	Nữ	CCQ2219B		8,3	V	7,0		7,50		Khá	
52	2123110423	Kiểu Xuân	Thanh	09/06/2004	Nam	CCQ2311L		8,5	V	8,0		8,20		Khá	
53	2122210059	Bùi Thanh Bích	Thiện	28/03/2004	Nữ	CCQ2221B		7,8	V	7,0		7,30		Khá	
54	2123110454	Trần Đặng Xuân	Thịnh	24/11/2005	Nam	CCQ2311L		8,0	V	8,0		8,00		Khá	
55	2123110438	Võ Ngọc Quốc	Thịnh	21/07/2005	Nam	CCQ2311L		7,5	V	8,0		7,80		Khá	
56	2122100215	Ngô Thị Lệ	Thơ	07/07/2002	Nữ	CCQ2210G		7,0	V	7,0		7,00		Khá	
57	2122100197	Nguyễn Thị Lệ	Thu	04/09/2004	Nữ	CCQ2210F		7,5	V	7,0		7,20		Khá	
58	2122120400	Nguyễn Thị Anh	Thư	05/12/2004	Nữ	CCQ2212L		8,0	V	8,0		8,00		Khá	
59	2122270116	Nguyễn Thị Minh	Thư	10/05/2004	Nữ	CCQ2227D		8,5	V	8,0		8,20		Khá	
60	2122110246	Trần	Thức	22/02/2003	Nam	CCQ2211G		6,8	V	6,0		6,30		Trung bình	
61	2123110440	Nguyễn Thanh	Tín	08/04/1994	Nam	CCQ2311L		0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
62	2122210039	Trần Thanh	Truyền	14/03/2004	Nam	CCQ2221E		7,8	V	8,0		7,90		Khá	
63	2122120562	Nguyễn Minh	Tú	23/11/2004	Nam	CCQ2212O		0,0	V	0,0		0,00		Kém	Học lại
64	2123110472	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	26/09/2005	Nữ	CCQ2311L		7,0	V	7,0		7,00		Khá	
65	2123110403	Hoàng Lê Anh	Tuấn	25/05/2005	Nam	CCQ2311K		7,0	V	7,0		7,00		Khá	
66	2123110477	Trần Quốc	Tựu	17/01/2005	Nam	CCQ2311L		7,8	V	6,0		6,70		Trung bình	
67	2122200175	Phan Thị Thanh	Tuyền	12/08/2004	Nữ	CCQ2220F		9,3	V	7,0		7,90		Khá	
68	2123110401	Trương Thanh	Tuyền	05/07/2005	Nữ	CCQ2311K		8,5	V	7,0		7,60		Khá	
69	2123110373	Nguyễn Thị Ái	Vi	12/02/2005	Nữ	CCQ2311K		8,0	V	8,0		8,00		Khá	
70	2123110350	Nguyễn Thanh	Vũ	14/11/2005	Nam	CCQ2311J		8,3	V	8,0		8,10		Khá	
71	2123110382	Nguyễn Chí	Vương	07/02/2005	Nam	CCQ2311K		7,3	V	8,0		7,70		Khá	
72	2122210055	Trần Thúy	Vy	20/08/2004	Nữ	CCQ2221E		7,3	V	7,0		7,10		Khá	
73	2123110392	Trần Thị Ngọc	Yến	28/09/2005	Nữ	CCQ2311K		7,5	V	8,0		7,80		Khá	

....., ngày tháng năm

Người lập biểu

Nguyễn Thành Quân